

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 31-7-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Lê Thị Vân.
2- Ông Cao Văn Lô.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1- Họ và tên: **Nguyễn Văn L**. Giới tính: Nam. Sinh năm 1962, tại L. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 0/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Cha: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1941; Mẹ: Hồ Thị Đ, sinh năm 1944. Vợ: Bùi Thị K, sinh năm: 1973. Con có 07 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 21-3-1995, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 18 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”; Ngày 11-5-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị bắt tạm giam từ ngày 27-4-2020 đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2- Họ và tên: **Nguyễn Văn T**. Giới tính: Nam. Sinh năm 1983, tại L. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh L. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 0/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Cha: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1941; Mẹ: Hồ Thị Đ, sinh năm 1944. Vợ: Huỳnh Thị Hồng C sinh năm 1985 và có 01 con, sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử lý hành chính. Bị bắt tạm giam từ ngày 28-4-2020 đến nay. (có mặt)

3- Họ và tên: **Bùi Văn D**, tên gọi khác: Đ. Giới tính: Nam. sinh năm 2000, tại L. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh L. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 0/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; Mẹ: Bùi Thị K,

sinh năm 1973. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử lý hành chính. Bị bắt tạm giam từ ngày 27-4-2020 cho đến nay. (có mặt)

4- Họ và tên: **Lưu Văn H.** Giới tính: Nam. Sinh năm 1981, tại L. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh L. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 0/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Cha: Lưu Văn N, sinh năm 1966; Mẹ: Bùi Thị L, sinh năm 1954. Chung sống với Huỳnh Thị N như vợ chồng, có 02 con chung. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 18-02-2009 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. (có mặt)

Bị hại: Ông Bùi Văn V, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20-02-2020, Nguyễn Văn L neo đậu ghe tại kênh Bo Bo thuộc Ấp 3, xã B, huyện H, trên ghe của L gồm có: L, Nguyễn Văn T (em ruột của L), Bùi Văn D (con ruột của L) và Lưu Văn H. Trong lúc nói chuyện thì T than thở không có tiền tiêu xài và chuộc xe mô tô. Nghe vậy, L nói “Tụi bây muốn có tiền thì xuống nhà út V lấy tivi là có tiền liền”, cả nhóm đều nghe và không nói gì. Một lúc sau, D hỏi T “đi không ông T”, T trả lời “đi thì đi”. Khi đó H nói “tụi bây lấy tivi về bán cho tao”. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 70K1-384.44 chở T đến nhà ông Bùi Văn V ở ấp 4, xã L, huyện T. Đến nơi, D đậu xe phía trước nhà và đứng bên ngoài cánh giới, T đi lại cửa sau vào nhà (do cửa không đóng), rồi đi lên phòng khách lấy tivi nhãn hiệu LG 49 inch mang ra ngoài. D điều khiển xe 70K1-384.44 chở T ôm chiếc tivi về ghe của L, H nghe tiếng xe mô tô của D chạy về nên đi từ nhà đến ghe của L. T và L kêu bán tivi cho H với giá 6.000.000 đồng, H trả giá 4.000.000 đồng, L và T không đồng ý nên H đi về. T nói với L “*bán tivi được bao nhiêu thì bán, phần của tôi là 2.000.000 đồng để chuộc xe*”. L trả lời “*bán được tivi sẽ chia cho mày 2.000.000 đồng*”. Sau đó, L và D cất giấu tivi tại ghe của L. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20-02-2020, ông Bùi Văn V về nhà phát hiện mất tivi nên đến Công an xã L, huyện T trình báo.

Sáng ngày 21-02-2020, L điều khiển ghe chạy lên khu vực Đoàn Bốn, thuộc xã Mỹ Bình, huyện Đ để làm thuê. D gọi điện thoại kêu H đến khu vực trước nhà của Nguyễn Minh N2 ở ấp 3, xã M, huyện Đ để bán tivi giúp D, H đồng ý. Sau khi đến gặp D, H đem tivi về nhà trọ của H ở xã t, huyện C, tỉnh T để tìm người mua. Qua xác minh Công an mời Nguyễn Văn T làm việc và T thừa nhận lấy tivi của ông V. Vợ của T là chị Huỳnh Thị Ngọc C kêu H trả lại tivi và chị C đem tivi giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 220/KL-HĐĐG ngày 04/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 tivi nhãn hiệu LG 49 inch, model 49LH570T-TD của ông V có giá trị là 4.683.333 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có thu giữ: 01 xe mô tô biển số 70K1-384.44, số khung H00022A020085, số máy P52FMH030295 cùng giấy chứng nh đăng ký xe mô tô và đã chuyển giao Chi cục THADS huyện T quản lý chờ xét xử; 01 tivi LCD nhãn hiệu LG 49 inch, model 49LH570T-TD, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho ông Bùi Văn V.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 08-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L, Lưu Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng, áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 70K1-384.44 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là ông Bùi Văn V đã nhận lại tivi, không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi tố tụng, quyết định của Điều tra viên và Kiểm sát viên được phân công thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, người tham gia tố tụng không khiếu nại nên hành vi tố tụng và quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H tại phiên tòa phù hợp lời khai của người bị hại, người tham gia tố tụng khác và biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Theo đề xướng của Nguyễn Văn L, vào khoảng 20 giờ ngày 20-02-2020, Bùi Văn D điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn T đến nhà ông Bùi Văn V ở ấp 4, xã L để lấy ti vi. Lúc này nhà của ông V không có người, T vào trong nhà lấy 01 tivi nhãn hiệu LG 49 inch đem ra, D chở T ôm ti vi về ghe của L cất để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài. Ti vi của ông V trị giá 4.683.333 đồng, do đó hành vi của Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T và Bùi Văn D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Lưu Văn H tuy không tham gia vào việc lấy tài sản nhưng khi H nghe L đề xướng thì H hứa hẹn sẽ mua tivi nếu T và D lấy được, do đó H cũng là đồng phạm với vai trò giúp sức. Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 08-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã truy tố

các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều biết rõ tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo L, T, D, H không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất an ninh, trật tự ở địa phương do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy cần phải áp dụng cho các bị cáo hình phạt tù để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm giản đơn, khi lượng hình có xem xét vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo để có hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn L là người xúi giục, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm, chính từ lời xúi giục của L mà D và T nảy sinh ý định thực hiện tội phạm, vì vậy cần áp dụng cho L hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Đối với Nguyễn Văn T, Bùi Văn D là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt Tài sản theo lời xúi giục của L, Lưu Văn H là đồng phạm giúp sức về tinh thần, hứa tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, do đó cần áp dụng một hình phạt tương xứng. Xét thấy các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo; các bị cáo T và D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T, D theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo L, H theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng: Xe mô tô biển số 70K1-384.44 do L mua của người khác chưa sang tên, sau khi L đề xướng việc đi lấy ti vi của ông V thì D sử dụng xe này làm phương tiện chở T đi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô mô tô biển số 70K1-384.44.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Bùi Văn V đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27-4-2020.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 28-4-2020.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27-4-2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D 45 ngày sau khi tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 70K1-384.44, số khung H00022A020085, số máy P52FMH030295 (kèm giấy chứng nH đăng ký xe mô tô), do Chi cục THADS huyện T quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS ngày 08-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Bùi Văn D, Lưu Văn H mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Án này xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31-7-2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Công an huyện;
- Chi cục THA-DS huyện;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiến